**BÁO CÁO CHI TIẾT KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

***(Phụ biểu F01-02/BCQT)***

**1. Mục đích:**

Báo cáo “Chi tiết kinh phí chương trình, dự án” là phụ biểu bắt buộc của báo cáo quyết toán (mẫu số B01/BCQT) đối với các đơn vị có thực hiện chương trình, dự án có mã số theo quy định tại Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản bổ sung, sửa đổi có liên quan; nhằm phản ánh số liệu chi tiết kinh phí chương trình, dự án đề nghị quyết toán theo từng dự án.

**2. Cơ sở lập báo cáo**

- Sổ chi tiết các Tài khoản 005, 006, 007, 008, 011.

- Căn cứ vào báo cáo này năm trước.

**3. Nội dung và phương pháp lập**

Báo cáo này được lập cho từng dự án vì vậy trong kỳ báo cáo đơn vị có bao nhiêu dự án thuộc phạm vi báo cáo thì phải lập bấy nhiêu phụ biểu.

Báo cáo gồm có 3 phần:

- Phần I- Số liệu tổng hợp

- Phần II- Chi tiết chi theo mục lục NSNN

- Phần III- Thuyết minh

- Các chỉ tiêu chung:

+ Tên dự án, mã số: Ghi rõ tên gọi của dự án và mã số của dự án theo quy định.

+ Thuộc chương trình: Ghi rõ tên của chương trình mà dự án là một bộ phận của chương trình đó.

+ Năm khởi đầu ... Năm kết thúc...: Ghi rõ năm bắt đầu thực hiện và năm kết thúc dự án theo quy định trong hiệp định hay hợp đồng đã được ký kết.

+ Cơ quan thực hiện dự án: Ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan thực hiện dự án.

+ Tổng số kinh phí được duyệt của toàn dự án và số được duyệt kỳ báo cáo: Ghi tổng số kinh phí được duyệt của từng dự án và số kinh phí được duyệt cho kỳ báo cáo thuộc tất cả các nguồn kinh phí (ngân sách cấp, viện trợ,...).

**Phần I - SỐ LIỆU TỔNG HỢP**

- Cột A, B, C: Ghi STT, chỉ tiêu, mã số chỉ tiêu

- Cột 1, 2, 3, 4, 5,...: Trình bày số liệu phát sinh năm nay và số lũy kế từ khi khởi đầu theo loại- khoản của mục lục ngân sách.

**Nội dung chỉ tiêu và phương pháp lập các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Nội dung chỉ tiêu** | **Phương pháp lập chỉ tiêu** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **E** |
| **I** | **NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC** |  | Phản ánh số liệu quyết toán thuộc nguồn NSNN trong nước cấp cho chương trình, dự án trong năm theo dự toán được giao. Dự toán được giao vào loại - khoản nào thì trình bày số liệu theo cột của loại - khoản đó. |  |
| 1 | **Số dư kinh phí năm trước chuyển sang** | 01 | Phản ánh kinh phí hoạt động thuộc nguồn NSNN trong nước còn dư từ năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm nay sử dụng tiếp theo quy định. | Mã số 01 = Mã số 02 + Mã số 03 |
|  | - Kinh phí đã nhận | 02 | Phản ánh khoản kinh phí chương trình, dự án đơn vị đã nhận từ NSNN nhưng đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán năm trước chưa đủ thủ tục thanh toán được chuyển sang năm nay tiếp tục thanh toán. Bao gồm khoản đã rút tạm ứng trong dự toán được giao (tạm ứng tiền mặt, tạm ứng chuyển thanh toán cho nhà cung cấp), khoản NSNN tạm ứng bằng Lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của đơn vị và khoản nhận thực chi bằng Lệnh chi tiền nhưng chưa sử dụng hết | Căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 13 của báo cáo này năm trước. |
|  | - Dự toán còn dư ở Kho bạc | 03 | Phản ánh các khoản dự toán thuộc kinh phí chương trình, dự án đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán năm trước chưa thực hiện hoặc chưa chi hết còn dư tại KBNN được chuyển năm nay tiếp tục sử dụng và quyết toán. | Căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 14 của báo cáo này năm trước. |
| 2 | **Dự toán được giao trong năm** | 04 | Phản ánh dự toán kinh phí chương trình, dự án mà đơn vị được giao trong năm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.  Số liệu này được tổng hợp theo quyết định giao dự toán trong năm của cấp có thẩm quyền (kể cả bổ sung, điều chỉnh trong năm). | Căn cứ số liệu “dự toán giao trong năm” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước” (ký hiệu sổ S101-H, phần I) và số liệu dự toán giao cấp bằng Lệnh chi tiền (trường hợp không giao dự toán cấp Lệnh chi tiền thì số này được lấy bằng kinh phí đã thực nhận bằng Lệnh chi tiền). |
| 3 | **Tổng số được sử dụng trong năm** | 05 | Phản ánh kinh phí chương trình, dự án đơn vị được sử dụng trong năm, bao gồm kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang và dự toán được giao năm nay. | Mã số 05 = Mã số 01 + Mã số 04 |
| 4 | **Kinh phí thực nhận trong năm** | 06 | Phản ánh kinh phí của chương trình, dự án mà đơn vị đã thực nhận trong năm từ NSNN, bao gồm số đã rút dự toán (tạm ứng và thực chi) của dự toán được giao trong năm và dự toán năm trước chuyển sang (không bao gồm kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang), số đã nhận NSNN cấp bằng Lệnh chi tiền (tạm ứng và thực chi) vào tài khoản tiền gửi của đơn vị trong năm. | Căn cứ vào số liệu “Kinh phí thực nhận từ dự toán được giao trong năm” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước” (ký hiệu sổ S101-H, phần III) và số liệu “Kinh phí thực nhận” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi kinh phí NSNN cấp bằng tiền” (ký hiệu sổ S104-H). |
| **5** | **Kinh phí đề nghị quyết toán** | 07 | Phản ánh số kinh phí chương trình, dự án đơn vị đã thực sử dụng từ nguồn NSNN trong nước đề nghị quyết toán trong năm. | Căn cứ vào số liệu “Số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước” (ký hiệu sổ S101-H, phần III) và số liệu “Kinh phí đề nghị quyết toán” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi kinh phí NSNN cấp bằng tiền” (ký hiệu sổ S104-H). |
| **6** | **Kinh phí giảm trong năm** | 08 | Phản ánh số kinh phí chương trình, dự án giảm trong năm từ nguồn NSNN trong nước, bao gồm số đã nộp NSNN, số còn phải nộp NSNN và dự toán bị hủy tại KBNN. | Mã số 08 = Mã số 09 + Mã số 10 + Mã số 11 |
|  | - Đã nộp NSNN | 09 | Phản ánh số kinh phí giảm trong năm do đơn vị nộp trả ngân sách từ nguồn kinh phí chương trình, dự án được sử dụng trong năm. | Căn cứ vào số liệu “Số tiền đã nộp trả NSNN” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước” (ký hiệu sổ S101-H, phần III) và số liệu “Số tiền đã nộp trả NSNN” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi kinh phí NSNN cấp bằng tiền” (ký hiệu sổ S104-H). |
|  | - Còn phải nộp NSNN | 10 | Phản ánh số kinh phí chương trình, dự án mà đơn vị phải nộp trả ngân sách nhưng chưa nộp trong năm. Khoản kinh phí này sang năm sau khi thực hiện nộp NSNN phải theo dõi riêng, không tổng hợp vào số liệu quyết toán năm sau. | Mã số 10 = Mã số 02 + Mã số 06 - Mã số 07 - Mã số 09 - Mã số 13 |
|  | - Dự toán bị hủy | 11 | Phản ánh dự toán chương trình, dự án được giao trong năm đơn vị không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng hết bị hủy bỏ tại KBNN. Số này không bao gồm số dự toán bị hủy tương ứng với số đơn vị đã nộp trả NSNN (đã tổng hợp ở chỉ tiêu 09). | Mã số 11 = Mã số 03 + Mã số 04 - Mã số 06 - Mã số 14 |
| **7** | **Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán** | 12 | Phản ánh số dư kinh phí chương trình, dự án chưa sử dụng hết được chuyển năm sau sử dụng và quyết toán theo quy định. | Mã số 12 = Mã số 13 + Mã số 14 |
|  | - Kinh phí đã nhận | 13 | Phản ánh các khoản kinh phí chương trình, dự án đơn vị đã nhận nhưng đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán năm nay chưa đủ hồ sơ thanh toán với KBNN bao gồm số rút tạm ứng từ dự toán giao (tạm ứng bằng tiền mặt, tạm ứng chuyển thanh toán cho nhà cung cấp), khoản nhận tạm ứng bằng Lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của đơn vị nhưng chưa thanh toán hoàn tạm ứng với NSNN và khoản nhận thực chi bằng Lệnh chi tiền nhưng chưa sử dụng hết. | Căn cứ vào số liệu “Số dư còn tạm ứng của NSNN” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) “Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước” (ký hiệu sổ S101-H, phần III) và số liệu “Kinh phí chưa sử dụng”, “Số dư tạm ứng” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) trên “Sổ theo dõi kinh phí NSNN cấp bằng tiền” (ký hiệu sổ S104-H). |
|  | - Dự toán còn dư ở Kho bạc | 14 | Phản ánh số dư dự toán thuộc nguồn kinh phí chương trình, dự án chưa thực hiện hoặc chưa chi hết còn dư tại KBNN được chuyển năm sau tiếp tục sử dụng và quyết toán. | Căn cứ số liệu “Số dư dự toán chuyển năm sau” (chi tiết theo mã chương trình, dự án) “Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước” (ký hiệu sổ S101-H, phần I). |
| **II** | **NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ** |  | Phản ánh số liệu quyết toán từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài cho chương trình, dự án mà đơn vị nhận được trong năm. |  |
| **1** | **Số dư kinh phí năm trước chuyển sang** | 15 | Phản ánh số dư kinh phí từ nguồn vốn viện trợ cho chương trình, dự án năm trước chuyển sang, bao gồm số dư kinh phí năm trước đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán và số dư kinh phí năm trước đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang. | Mã số 15 = Mã số 16 + Mã số 17  Số liệu này còn căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 29 của báo cáo này năm trước. |
| 1.1 | *Số dư kinh phí năm trước đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang* | 16 | Phản ánh số dư kinh phí từ nguồn vốn viện trợ cho chương trình, dự án năm trước đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang. | Căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 30 của báo cáo này năm trước. |
| 1.2 | *Số dư kinh phí năm trước đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang* | 17 | Phản ánh số dư kinh phí từ nguồn vốn viện trợ cho chương trình, dự án năm trước đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang. | Căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 30 của báo cáo này năm trước |
| **2** | **Dự toán được giao trong năm** | 18 | Phản ánh dự toán từ nguồn viện trợ cho chương trình, dự án mà đơn vị được giao trong năm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, số liệu này được tổng hợp theo quyết định giao dự toán trong năm của cấp có thẩm quyền (kể cả bổ sung, điều chỉnh trong năm). | Mã số 18 = Mã số 19 + Mã số 20 + Mã số 21 |
| 2.1 | Dự toán giao đầu năm | 19 | Phản ánh dự toán từ nguồn viện trợ cho chương trình, dự án mà đơn vị được giao đầu năm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. | Căn cứ số liệu “Dự toán giao trong năm” trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H, phần I) (chi tiết dự toán được giao đầu năm của chương trình, dự án). |
| 2.2 | Dự toán giao bổ sung trong năm | 20 | Phản ánh dự toán từ nguồn viện trợ cho chương trình, dự án mà đơn vị được giao bổ sung trong năm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. | Căn cứ số liệu “Dự toán giao trong năm” trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H, phần I) (chi tiết dự toán giao bổ sung trong năm của chương trình, dự án). |
| 2.3 | Dự toán đã điều chỉnh giảm trong năm | 21 | Phản ánh dự toán từ nguồn viện trợ cho chương trình, dự án đã được điều chỉnh giảm trong năm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; số liệu này trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...). | Căn cứ số liệu “Dự toán giao trong năm” trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H, phần I) (chi tiết dự toán đã điều chỉnh giảm trong năm của chương trình, dự án). |
| **3** | **Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm** | 22 | Phản ánh tổng số kinh phí đơn vị nhận viện trợ trong năm từ nhà tài trợ nước ngoài (nhận bằng tiền về đơn vị, nhận bằng hàng hóa và chuyển khoản thẳng cho nhà cung cấp,...) cho chương trình, dự án chi tiết theo mã chương trình, dự án, bao gồm số đã ghi thu, ghi chi và số chưa thực hiện ghi thu, ghi chi. | Mã số 22 = Mã số 23 + Mã số 24 |
|  | - Số đã ghi thu, ghi chi | 23 | Phản ánh số kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài cho chương trình, dự án mà đơn vị nhận đã có xác nhận ghi thu, ghi chi NSNN. | Căn cứ số liệu đơn vị nhận trong năm đã hạch toán ghi thu, ghi chi vào NSNN trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H, phần II) (chi tiết theo chương trình, dự án). |
|  | - Số chưa thực hiện ghi thu, ghi chi | 24 | Phản ánh số kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài cho chương trình, dự án mà đơn vị nhận nhưng chưa thực hiện ghi thu, ghi chi NSNN. | Căn cứ số kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài đơn vị nhận cho chương trình, dự án đã nhưng chưa thực hiện ghi thu, ghi chi NSNN được phản ánh trên các sổ kế toán có liên quan. |
| **4** | **Kinh phí được sử dụng trong năm** | 25 | Phản ánh tổng số kinh phí đơn vị được sử dụng trong năm từ nguồn vốn viện trợ cho chương trình, dự án, bao gồm số dư kinh phí từ năm trước chuyển sang và kinh phí nhận viện trợ trong năm. | Mã số 25 = Mã số 15 + Mã số 22 |
| **5** | **Kinh phí đề nghị quyết toán** | 26 | Phản ánh số kinh phí đơn vị sử dụng từ nguồn viện trợ cho chương trình, dự án đã có xác nhận ghi thu, ghi chi NSNN đề nghị quyết toán trong năm. | Căn cứ số liệu đã được hạch toán ghi thu, ghi chi vào NSNN từ kinh phí được sử dụng trong năm trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H, phần II) (chi tiết theo chương trình, dự án). |
| **6** | **Kinh phí đã ghi giảm trong năm** | 27 | Phản ánh số kinh phí giảm trong năm từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài cho chương trình, dự án, bao gồm số dư dự toán đơn vị không có nhu cầu sử dụng trả lại NSNN hoặc số NSNN thu hồi (số này được xác định vào cuối năm khi hết thời gian chỉnh lý quyết toán) và các khoản giảm khác (nếu có). | Căn cứ số liệu “Dự toán bị hủy” trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H, phần I) và số liệu khác liên quan đến kinh phí giảm trong năm từ nguồn vốn viện trợ nước ngoài được phản ánh trên các sổ kế toán có liên quan (chi tiết theo chương trình, dự án). |
| **7** | **Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán** | 28 | Phản ánh số dư kinh phí viện trợ cho chương trình, dự án đã nhận nhưng chưa làm thủ tục ghi thu, ghi chi NSNN được chuyển năm sau quyết toán theo quy định. | Mã số 28 = Mã số 25 - Mã số 26 - Mã số 27  Đồng thời Mã số 28 = Mã số 29 + Mã số 30 |
| 7.1 | *Số dư kinh phí đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang năm sau* | 29 | Phản ánh số dư kinh phí từ nguồn vốn viện trợ cho chương trình, dự án đã được giao dự toán nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán chuyển sang năm sau. | Căn cứ số liệu “Số dư dự toán chuyển năm sau” trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H, phần I) (chi tiết theo chương trình, dự án). |
| 7.2 | *Số dư kinh phí đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang năm sau* | 30 | Phản ánh số dư kinh phí từ nguồn vốn viện trợ cho chương trình, dự án đã nhận nhưng chưa được giao dự toán chuyển sang năm sau. | Mã số 30 = Mã số 28 - Mã số 29 |
| **III** | **NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI** |  | Phản ánh số liệu quyết toán từ nguồn vốn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án mà đơn vị nhận được và sử dụng trong năm theo dự toán được giao. |  |
| **1** | **Số dư kinh phí năm trước chuyển sang** | 31 | Phản ánh số dư nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án từ năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang năm nay tiếp tục sử dụng và quyết toán, bao gồm số dư đã ghi thu, ghi tạm ứng chưa thanh toán với NSNN và số dư dự toán chưa sử dụng được phép chuyển năm sau. | Mã số 31 = Mã số 32 + Mã số 33  Số liệu này còn căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 44 của báo cáo này năm trước. |
|  | - Kinh phí đã ghi tạm ứng | 32 | Phản ánh số dư đã ghi thu, ghi tạm ứng từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án nhưng chưa thực hiện thanh toán với NSNN từ năm trước chuyển sang năm nay tiếp tục thanh toán. | Căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 45 của báo cáo này năm trước. |
|  | - Số dư dự toán | 33 | Phản ánh số dư dự toán từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án được giao năm trước chưa sử dụng hết được chuyển sang năm nay tiếp tục sử dụng. | Căn cứ vào số liệu ghi ở chỉ tiêu có mã số 46 của báo cáo này năm trước. |
| **2** | **Dự toán được giao trong năm** | 34 | Phản ánh dự toán từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án mà đơn vị được giao trong năm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, được tổng hợp theo quyết định giao dự toán trong năm của cấp có thẩm quyền (kể cả bổ sung, điều chỉnh trong năm). | Căn cứ vào số liệu “Dự toán giao trong năm” trên “Sổ theo dõi kinh phí vay nợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S103-H, phần I). |
| **3** | **Tổng số được sử dụng trong năm** | 35 | Phản ánh số kinh phí từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án mà đơn vị được sử dụng trong năm, bao gồm kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang và dự toán được giao năm nay. | Mã số 35 = Mã số 31 + Mã số 34 |
| **4** | **Tổng kinh phí đã vay trong năm** | 36 | Phản ánh số kinh phí đơn vị đã nhận từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án phát sinh trong năm đã có xác nhận hạch toán vào NSNN, bao gồm: khoản có xác nhận ghi thu, ghi tạm ứng NSNN và ghi thu, ghi chi NSNN. | Mã số 36 = Mã số 37 + Mã số 38 |
|  | - Số đã hạch toán tạm ứng NSNN | 37 | Phản ánh số kinh phí đơn vị nhận từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án đã có xác nhận ghi thu, ghi tạm ứng NSNN trong năm. | Căn cứ vào số liệu ghi thu, ghi tạm ứng kinh phí vay nợ nước ngoài phát sinh trong năm trên sổ kế toán có liên quan. |
|  | - Số đã hạch toán ghi chi NSNN | 38 | Phản ánh số kinh phí đơn vị nhận từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án đã có xác nhận ghi thu, ghi chi NSNN trong năm. | Căn cứ vào số liệu kinh phí vay nợ nước ngoài nhận trong năm đã có thông báo xác nhận ghi thu, ghi chi NSNN trên “Sổ theo dõi kinh phí vay nợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S103-H). |
| **5** | **Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm** | 39 | Phản ánh số kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán trong năm từ nguồn vốn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án, bao gồm số đã ghi thu, ghi chi NSNN và số đã thanh toán tạm ứng trong năm. | Căn cứ vào số liệu kinh phí vay nợ nước ngoài đã đủ điều kiện quyết toán với NSNN trên “Sổ theo dõi kinh phí vay nợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S103-H) |
| **6** | **Kinh phí giảm trong năm** | 40 | Phản ánh số kinh phí giảm trong năm từ nguồn vốn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án, bao gồm số đã nộp NSNN, số còn phải nộp NSNN, dự toán bị hủy. | Mã số 40 = Mã số 41 + Mã số 42 + Mã số 43 |
|  | - Đã nộp NSNN | 41 | Phản ánh số kinh phí giảm trong năm do đơn vị đã nộp trả ngân sách từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án đã hạch toán NSNN. | Căn cứ vào số liệu “Số tiền đã nộp trả NSNN” trên “Sổ theo dõi kinh phí vay nợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S103-H, phần II). |
|  | - Còn phải nộp NSNN | 42 | Phản ánh số kinh phí đơn vị còn phải nộp trả ngân sách từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án, nhưng chưa thực hiện nộp trả trong năm. Khoản kinh phí này sang năm sau khi thực hiện nộp NSNN phải theo dõi riêng, không tổng hợp vào số liệu quyết toán năm sau. | Mã số 42 = Mã số 32 + Mã số 36 - Mã số 39 - Mã số 41 - Mã số 45 |
|  | - Dự toán bị hủy | 43 | Phản ánh số dự toán được giao trong năm từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án đơn vị không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng hết bị hủy bỏ tại KBNN. Số này không bao gồm số dự toán bị hủy tương ứng với số đơn vị đã nộp trả NSNN (đã tổng hợp ở chỉ tiêu 41). | Mã số 43 = Mã số 33 + Mã số 34 - Mã số 36 - Mã số 46 |
| **7** | **Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán** | 44 | Phản ánh số dư dự toán từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án chưa sử dụng hết được chuyển năm sau sử dụng và quyết toán bao gồm kinh phí đã ghi tạm ứng nhưng chưa có xác nhận thanh toán với NSNN và số dư dự toán chưa sử dụng hết được phép chuyển sang năm sau. | Mã số 44 = Mã số 45 + Mã số 46 |
|  | - Kinh phí đã ghi tạm ứng | 45 | Phản ánh số dư đã ghi thu, ghi tạm ứng chưa có xác nhận thanh toán với NSNN được chuyển sang năm sau tiếp tục thanh toán, chi tiết theo chương trình, dự án. | Căn cứ vào số dư đã ghi thu, ghi tạm ứng kinh phí vay nợ nước ngoài chưa có xác nhận thanh toán với NSNN được theo dõi trên sổ kế toán có liên quan. |
|  | - Số dư dự toán | 46 | Phản ánh số dư dự toán được giao chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng, chi tiết theo chương trình, dự án. | Căn cứ vào số liệu “Dự toán chuyển năm sau” trên “Sổ theo dõi kinh phí vay nợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S103-H, phần I). |
| **8** | **Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN** | 47 | Phản ánh số kinh phí đơn vị đã nhận được từ nhà tài trợ, bên cho vay nước ngoài cho chương trình, dự án nhưng chưa có xác nhận hạch toán vào NSNN (chưa có xác nhận ghi thu, ghi chi NSNN hoặc ghi thu, ghi tạm ứng NSNN). | Số liệu chỉ tiêu này đơn vị phải mở sổ theo dõi để xác định số liệu báo cáo. |

**Phần II- CHI TIẾT CHI THEO MỤC LỤC NSNN**

Phần này phản ánh số liệu chi tiết chi từ kinh phí chương trình, dự án đề nghị quyết toán theo mục lục ngân sách.

- Cột A, B, C, D, E: Ghi mã số mục lục NSNN, nội dung chi.

- Cột 1: Ghi tổng số kinh phí chương trình, dự án đã sử dụng năm nay đề nghị quyết toán.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4

- Cột 2: Ghi số kinh phí chương trình, dự án đã sử dụng năm nay từ nguồn NSNN trong nước đề nghị quyết toán chi tiết theo mục lục ngân sách.

Số liệu để ghi vào các chỉ tiêu tương ứng trên cột này căn cứ vào số kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán (chi tiết theo mã chương trình, dự án và theo mục lục NSNN) trên “Sổ theo dõi dự toán từ nguồn NSNN trong nước” (ký hiệu sổ S101-H) và “Sổ theo dõi kinh phí NSNN cấp bằng tiền” (ký hiệu sổ S104-H).

- Cột 3: Ghi số kinh phí đã sử dụng năm nay từ nguồn viện trợ cho chương trình, dự án đề nghị quyết toán chi tiết theo mục lục ngân sách.

Số liệu để ghi vào các chỉ tiêu tương ứng trên cột này căn cứ số liệu kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trên “Sổ theo dõi kinh phí viện trợ không hoàn lại từ nhà tài trợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S102-H) (chi tiết theo mục lục NSNN).

- Cột 4: Ghi số kinh phí đã sử dụng năm nay từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án đề nghị quyết toán chi tiết theo mục lục ngân sách.

Số liệu để ghi vào các chỉ tiêu tương ứng trên cột này căn cứ số liệu kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán trên “Sổ theo dõi kinh phí vay nợ nước ngoài” (ký hiệu sổ S103-H) (chi tiết theo mục lục NSNN).

- Cột 5: Ghi tổng số kinh phí chương trình, dự án đã sử dụng lũy kể từ khi khởi đầu dự án đến cuối kỳ báo cáo.

Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8

- Cột 6: Ghi số kinh phí chương trình, dự án đã sử dụng lũy kể từ khi khởi đầu dự án đến cuối kỳ báo cáo từ nguồn NSNN trong nước chi tiết theo mục lục ngân sách.

Số liệu được tính toán bằng số liệu cột này trên báo cáo năm trước cộng với số phát sinh năm nay trên cột 02 cho các chỉ tiêu tương ứng.

- Cột 7: Ghi số kinh phí đã sử dụng lũy kể từ khi khởi đầu dự án đến cuối kỳ báo cáo từ nguồn viện trợ cho chương trình, dự án chi tiết theo mục lục ngân sách.

Số liệu được tính toán bằng số liệu cột này trên báo cáo năm trước cộng với số phát sinh năm nay trên cột 03 cho các chỉ tiêu tương ứng.

- Cột 8: Ghi số kinh phí đã sử dụng lũy kể từ khi khởi đầu dự án đến cuối kỳ báo cáo từ nguồn vay nợ nước ngoài cho chương trình, dự án chi tiết theo mục lục ngân sách.

Số liệu được tính toán bằng số liệu cột này trên báo cáo năm trước cộng với số phát sinh năm nay trên cột 04 cho các chỉ tiêu tương ứng.

**Phần III- THUYẾT MINH**

Ghi một số mục tiêu, nội dung theo tiến độ đã quy định, khối lượng công việc dự án đã hoàn thành đến thời điểm báo cáo và thuyết minh khác (nếu có).

Báo cáo được lập vào cuối năm, số liệu được tổng hợp đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán NSNN.

Sau khi lập xong người lập, kế toán trưởng/phụ trách kế toán và thủ trưởng đơn vị ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu và gửi cơ quan có thẩm quyền.